TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH K**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09/2024/QĐST-DS	*……., ngày 28 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2024, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 38/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam (B…); Người đại diện theo pháp luật ông Phan Đức T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị B… Việt Nam; địa chỉ trụ sở: Tháp B… số 194 Trần Quang K, phường L, quận H, thành phố H; Người đại diện theo ủy quyền; ông Phan Thanh H – Chức vụ: Giám đốc B… Chi nhánh K; địa chỉ: 01A đường Trần Phú, phường Q, thành phố K, tỉnh K, văn bản ủy quyền số: 963/UQ-B.. ngày 25/10/2021; Người đại diện theo ủy quyền lại; ông Nguyễn Kỳ P – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch N; địa chỉ: Số 915 Hùng Vương, thị trấn P, huyện N, tỉnh K, văn bản ủy quyền lại số: 1382/UQ-B….KT ngày 04/12/2023.
- Bị đơn: Ông A Ph; sinh năm: 1965; CCCD số 062065002962 cấp ngày 20/8/2021; địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện N, tỉnh K.
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Y Hd; sinh năm: 1980; CCCD số 062180000153 cấp ngày 13/4/2021; địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện N, tỉnh K.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nợ vay: Tính đến ngày 20/8/2024, ông A Ph, bà Y Hd công nhận còn nợ Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam tổng số tiền là 99.379.963 đồng (trong đó: nợ gốc là 70.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 19.587.661 đồng; nợ lãi quá hạn là 9.792.302 đồng). Ông A Ph, bà Y Hd đồng ý trả toàn bộ số tiền 99.379.963 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày

21/8/2024 cho Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam. Thời hạn trả nợ vào ngày 31/12/2024.

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự, kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho bên được thi hành án, thì bên phải thi hành án, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn mà bên phải thi hành án phải thanh toán cho bên được thi hành án theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 20/8/2024, thì kể từ ngày 21/8/2024 bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc.

Trường hợp ông A Ph, bà Y Hd chậm thanh toán số tiền nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông A Ph, bà Y Hd để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản bảo đảm: Ngân hàng TMCP B Việt Nam tự nguyện xin rút, không yêu cầu xử lý đối với tài sản bảo đảm do thực địa đất sử dụng không phù hợp so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp số: AĐ 582961, thửa đất số 8, tờ bản đồ số 37, diện tích 15723,0m^2 do Uỷ ban nhân dân huyện N cấp ngày 28/9/2006, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01134, cấp cho hộ ông A Ph; địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã S, huyện N, tỉnh K theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/9877385/HĐBĐ ngày 15/6/2017. Công chứng tại Văn phòng công chứng V, địa chỉ: số 169 Trần Phú, thị trấn P, huyện N, tỉnh K, số công chứng: 1273, quyển số: 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/6/2017.

- Về chi phí tố tụng:

Căn cứ Điều 157, 158 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông A Ph, bà Y Hd phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.500.000 đồng. Ngân hàng TMCP B Việt Nam đã nộp tạm ứng 2.500.000 đồng nên ông A Ph, bà Y Hd phải trả lại cho Ngân hàng TMCP B Việt Nam số tiền 2.500.000 đồng.

Kể từ ngày Ngân hàng B Việt Nam có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông A Ph, bà Y Hd không trả đủ số tiền chi phí tố tụng nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả theo thỏa thuận của các bên đương sự là 10%/năm.

- Về án phí: Căn cứ Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Ông A Ph, bà Y Hd phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.485.000đ (Hai triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP B.. Việt Nam số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 3.391.000đ (Ba triệu ba trăm chín mươi mốt nghìn đồng) theo Biên lai ký hiệu: BLTU/23 số: 0001986 ngày 21/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện N;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh K;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Bá Khen